CQ chủ quản: **SỞ TƯ PHÁP TP.HCM**
Chương: **414**

Phụ lục số 2

CÔNG KHAI CHỈ TIÊU DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2026

(Điều chỉnh lần 2)

Đơn vị sử dụng ngân sách: **Trung tâm Dịch vụ đấu giá tài sản Thành phố Hồ Chí Minh**

Mã số ĐVQHNS: **1047125**

KBNN nơi giao dịch: KBNN Khu vực II- Phòng giao dịch số 7

Chương 414 Loại 100, 280 Khoản 121, 338

(Đính kèm theo Quyết định số 815/QĐ-STP ngày 30/9/2026 của Sở Tư pháp TP.HCM)

ĐVT: triệu đồng

STT	Nội dung	Mã NKT/ Mã NKP	Dự toán năm 2026	Tiết kiệm thêm 5%CTX 2026 theo CV 23978/STC-QLNS (Lần 1)	Điều chỉnh theo QĐ số 6366/QĐ-UBND (lần 2)	Tổng cộng
A	B	C	*1*	*2*	*3*	*4=1+2+3*
I	**Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí**					
II	**Dự toán chi ngân sách nhà nước**		**7.424**	**0**	**-5.159**	**2.265**
1	**Sự nghiệp khoa học và công nghệ**	**121**	**6.574**	**0**	**-5.159**	**1.415**
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ		0			0
1.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ		6.574	0	-5.159	1.415
	KP Xây dựng Hệ thống đấu giá trực tuyến trên địa bàn TPHCM	*12*	*6.574*		*-5.159*	*1.415*
2	**Chi sự nghiệp các hoạt động kinh tế**	**338**	**850**	**0**	**0**	**850**
2.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ		0			0
2.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ		850	-44	0	806
a	Chi từ ngân sách Thành phố		850	-44	0	806
	Chi công tác mua sắm tập trung tài sản công	*12*	*850*	*-44*		*806*

STT	Nội dung	Mã NKT/ Mã NKP	Dự toán năm 2026	Tiết kiệm thêm 5%CTX 2026 theo CV 23978/STC-QLNS (Lần 1)	Điều chỉnh theo QĐ số 6366/QĐ-UBND (lần 2)	Tổng cộng
A	B	C	*1*	*2*	*3*	*4=1+2+3*
b	Chi từ nguồn CCTL ngân sách thành phố cấp					
	+ Chi tăng thu nhập theo Nghị quyết số 98/2023/QH15 ngày 24/6/2023 của Quốc hội					
	+ Chi chế độ tiền thưởng theo Nghị định số 73/2024/NĐ-CP ngày 30/6/2024 của Chính phủ					
2.3	**Kinh phí tiết kiệm thêm trên 5% chi thường xuyên năm 2026 theo Nghị quyết số 135/NQ-CP ngày 22/5/2026 của Chính phủ**	**28**	**0**	**44**	**0**	**44**
2.3.1	**Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ**		**0**	**0**	**0**	**0**
2.3.2	**Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ**	**28**	**0**	**44**	**0**	**44**
a	Chi từ ngân sách Thành phố	28		44		44
b	Chi từ nguồn CCTL ngân sách thành phố cấp					0
3	**Sự nghiệp hoạt động của cơ quan quản lý nhà nước, Đảng, đoàn thể**		**0**	**0**	**0**	**0**

Ghi chú:

- Dự toán chi ngân sách nhà nước năm 2026 đã trừ khoản tiết kiệm 10% chi thường xuyên để tạo nguồn cải cách tiền lương theo quy định, tiết kiệm 10% chi thường xuyên để bổ sung nguồn chi an sinh xã hội theo Nghị quyết số 245/2025/QH15 của Quốc hội và đã được giữ lại ở ngân sách Thành phố.

- Nguồn cải cách tiền lương ngân sách Thành phố cấp và nguồn cải cách tiền lương tại đơn vị được sử dụng cho nhu cầu chi chính sách tăng lương cơ sở theo lộ trình của Chính phủ, chi tinh giản biên chế, chi quỹ tiền thưởng, chi thu nhập tăng thêm theo cơ chế đặc thù của Thành phố và các văn bản quy định hiện hành.

Điều chỉnh lần 1:

- Kinh phí tiết kiệm thêm trên 5% chi thường xuyên năm 2026 theo Nghị quyết số 135/NQ-CP ngày 22/5/2026 của Chính phủ; số tiền 44 triệu đồng (nguồn không tự- mã nguồn 12) điều chỉnh sang mã nguồn 28 để theo dõi.

Điều chỉnh lần 2:

- Điều chỉnh giảm dự toán đối với một số nhiệm vụ không thực hiện kịp trong năm 2026, hoặc CSPL không còn hiệu lực để thực hiện (theo Quyết định số 6366/QĐ-UBND ngày 29/9/2026 của UBND Thành phố), số tiền: 5.159 triệu đồng (giảm KP Xây dựng Hệ thống đấu giá trực tuyến trên địa bàn TPHCM)./.

CQ chủ quản: **SỞ TƯ PHÁP TP.HCM**

Chương: **414**

Phụ lục số 2

CÔNG KHAI CHỈ TIÊU DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2026

(Điều chỉnh lần 6)

Đơn vị sử dụng ngân sách: **VĂN PHÒNG SỞ TƯ PHÁP TPHCM**

Mã số ĐVQHNS: **1075715**

Mã KBNN nơi giao dịch: **0111**

Chương **414** Loại **340** Khoản **121, 341**

(Đính kèm theo Quyết định số 815/QĐ-STP ngày 30/9/2026 của Sở Tư pháp TP.HCM)

ĐVT: triệu đồng

STT	Nội dung	Mã NKT/ Mã NKP	Dự toán đầu năm 2026	Điều chỉnh theo QĐ số 1185/QĐ-UBND (lần 1)	Dự toán điều chỉnh lần 2		Dự toán điều chỉnh lần 3		Điều chỉnh theo QĐ số 4992/QĐ-UBND (lần 4)	Tiết kiệm thêm 5%CTX 2026 theo CV 23978/STC-QLNS (điều chỉnh lần	Điều chỉnh theo QĐ số 6366/QĐ-UBND (lần 6)	Tổng cộng
					Điều chỉnh theo QĐ số 2589/QĐ-UBND	Điều chỉnh theo QĐ số 2643/QĐ-UBND	Điều chỉnh theo Công văn số 3866/UBND-VX (cân đối)	Điều chỉnh theo QĐ số 4154/QĐ-UBND				
A	B	C	*1*	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10=1+2+..+9*
II	**Dự toán chi ngân sách nhà nước**		**67.662**	**252**	**-1.371**	**228**	**0**	**18.951**	**2.721**	**0**	**1.089**	**89.532**
1	**Sự nghiệp khoa học và công nghệ**	**121**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**18.951**	**0**	**0**	**-8.024**	**10.927**
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ											
1.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ		0	0	0	0	0	18.951	0	0	-8.024	10.927
1	KP "Số hóa sổ hộ tịch trên địa bàn TPHCM (giai đoạn 2)"							14.952			-8.024	6.928
2	KP "Nâng cấp hạ tầng, hệ thống mạng nội bộ tại Sở Tư pháp"							1.999				1.999
3	KP Xây dựng "Phần mềm quản lý công tác xây dựng pháp luật trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh"							2.000				2.000
2	**Chi sự nghiệp các hoạt động kinh tế**		**0**									**0**
3	**Sự nghiệp hoạt động của cơ quan quản lý nhà nước, Đảng, đoàn thể**	**341**	**67.662**	**252**	**-1.371**	**228**	**0**	**0**	**2.721**	**-637**	**9.113**	**77.968**
3.1	**Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ**		**31.059**	**0**	**-1.371**	**0**	**0**	**0**	**0**	**-497**	**0**	**29.191**
a	Chi từ ngân sách Thành phố		24.137		-774					-497		22.866
b	Chi từ nguồn CCTL ngân sách thành phố cấp		6.922		-597							6.325
3.2	**Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ**		**36.603**	**252**	**0**	**228**	**0**	**0**	**2.721**	**-140**	**9.113**	**48.777**
a	**Chi từ ngân sách Thành phố**		**17.331**	**252**	**0**	**228**	**0**	**0**	**2.721**	**-140**	**9.113**	**29.505**
1	KP bồi dưỡng công tác tiếp công dân, xử lý đơn		253									253
2	KP hoạt động ISO		65									65
3	Trợ cấp thôi việc theo ND170/2025/NĐ-CP		200									200
4	KP cho công tác phổ biến GDPL		1.648							-48		1.600

STT	Nội dung	Mã NKT/ Mã NKP	Dự toán đầu năm 2026	Điều chỉnh theo QĐ số 1185/QĐ-UBND (lần 1)	Dự toán điều chỉnh lần 2		Dự toán điều chỉnh lần 3		Điều chỉnh theo QĐ số 4992/QĐ-UBND (lần 4)	Tiết kiệm thêm 5%CTX 2026 theo CV 23978/STC-QLNS (điều chỉnh lần	Điều chỉnh theo QĐ số 6366/QĐ-UBND (lần 6)	Tổng cộng
					Điều chỉnh theo QĐ số 2589/QĐ-UBND	Điều chỉnh theo QĐ số 2643/QĐ-UBND	Điều chỉnh theo Công văn số 3866/UBND-VX (cân đối)	Điều chỉnh theo QĐ số 4154/QĐ-UBND				
A	B	C	*1*	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10=1+2+..+9*
5	KP kiểm tra, rà soát văn bản		457									457
6	KP theo dõi thi hành PL, công tác bồi thường NN, quản lý công tác thi hành pháp luật về xử lý VPHC (theo chỉ đạo của UBND TP)		202							-10	-100	92
7	KP bồi dưỡng Giám định viên tư pháp		9.188									9.188
8	KP tổ chức Hội nghị PL		212				-33			-59		120
9	KP nghiệp vụ giải quyết nuôi con nuôi nước ngoài		324							-16		308
10	KP phục vụ công tác thu P-LP		137							-7		130
11	KP tham gia các vụ kiện		3									3
12	KP xây dựng và thẩm tra báo cáo cho văn bản QPPL theo Nghị quyết số 01/2026/NQ-HĐND ngày 06/02/2026		526								6.468	6.994
13	KP hỗ trợ tiền thuê nhà ở theo NQ24/2025 (3 PGĐ, 21 CV)		1.498									1.498
14	KP chi chế độ chính sách cho người tham gia xây dựng PL theo NQ197/2025/QH15		2.618									2.618
15	KP phục vụ công tác bầu cử đại biểu Quốc hội Khoá XVI và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2026-2031			252								252
16	Kinh phí chăm lo Tết Bính Ngọ năm 2026					228						228
17	KP đặt mua báo Đảng						33					33
18	KP xây dựng dự án Luật Phát triển đô thị								2.721			2.721
19	KP đào tạo, bồi dưỡng công chức, viên chức theo Quyết định số 1012/QĐ-UBND										1.920	1.920
20	KP Đề án chỉnh lý tài liệu của các CQ, tổ chức sau sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị trên địa bàn TPHCM										825	825
b	**Chi từ nguồn CCTL ngân sách thành phố cấp**		**19.272**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**19.272**
1	+ Chi tăng thu nhập theo Nghị quyết số 98/2023/QH15 ngày 24/6/2023 của Quốc hội, NQ 27/2025/NQ-HĐND ngày 28/8/2025		18.139									18.139
2	+ Chi chế độ tiền thưởng theo Nghị định số 73/2024/NĐ-CP ngày 30/6/2024 của Chính phủ		1.133									1.133
3.3	**Kinh phí tiết kiệm thêm trên 5% chi thường xuyên năm 2026 theo Nghị quyết số 135/NQ-CP ngày 22/5/2026 của Chính phủ**	**28**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**637**	**0**	**637**
3.3.1	**Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ**		**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**497**	**0**	**497**
a	Chi từ ngân sách Thành phố	28								497		497
b	Chi từ nguồn CCTL ngân sách thành phố cấp									0		0

STT	Nội dung	Mã NKT/ Mã NKP	Dự toán đầu năm 2026	Điều chỉnh theo QĐ số 1185/QĐ-UBND (lần 1)	Dự toán điều chỉnh lần 2		Dự toán điều chỉnh lần 3		Điều chỉnh theo QĐ số 4992/QĐ-UBND (lần 4)	Tiết kiệm thêm 5%CTX 2026 theo CV 23978/STC-QLNS (điều chỉnh lần	Điều chỉnh theo QĐ số 6366/QĐ-UBND (lần 6)	Tổng cộng
					Điều chỉnh theo QĐ số 2589/QĐ-UBND	Điều chỉnh theo QĐ số 2643/QĐ-UBND	Điều chỉnh theo Công văn số 3866/UBND-VX (cân đối)	Điều chỉnh theo QĐ số 4154/QĐ-UBND				
A	B	C	*1*	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10=1+2+..+9*
3.3.2	**Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ**		**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**140**	**0**	**140**
a	Chi từ ngân sách Thành phố	28								140		140
b	Chi từ nguồn CCTL ngân sách thành phố cấp									0		0

Ghi chú:

- Dự toán chi ngân sách nhà nước năm 2026 đã trừ khoản tiết kiệm 10% chi thường xuyên để tạo nguồn cải cách tiền lương theo quy định, tiết kiệm 10% chi thường xuyên để bổ sung nguồn chi an sinh xã hội theo Nghị quyết số 245/2025/QH15 của Quốc hội và đã được giữ lại ở ngân sách Thành phố.

- Nguồn cải cách tiền lương ngân sách Thành phố cấp và nguồn cải cách tiền lương tại đơn vị được sử dụng cho nhu cầu chi chính sách tăng lương cơ sở theo lộ trình của Chính phủ, chi tinh giản biên chế, chi quỹ tiền thưởng, chi thu nhập tăng thêm theo cơ chế đặc thù của Thành phố và các văn bản quy định hiện hành.

Điều chỉnh lần 1:

- Bổ sung dự toán KP phục vụ công tác bầu cử đại biểu Quốc hội Khoá XVI và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2026-2031 cơ sở, số tiền: 252.198.000 đồng (theo Quyết định số 1185/QĐ-UBND ngày 03/3/2026 của Uỷ ban nhân dân Thành phố).

Điều chỉnh lần 2:

- Điều chỉnh giảm dự toán do sự thay đổi biên chế và định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên năm 2025 theo Quyết định số 2589/QĐ-UBND ngày 30/4/2026 của UBND Thành phố; số tiền: 1.371 triệu đồng (trong đó: giảm nguồn CCTL: 597 triệu đồng; giảm nguồn CTX: 774 triệu đồng)

- Bổ sung dự toán kinh phí chăm lo Tết Bính Ngọ năm 2026 theo Quyết định số 2643/QĐ-UBND ngày 07/5/2026 của UBND Thành phố; số tiền 228 triệu đồng.

Điều chỉnh lần 3:

- Điều chỉnh bổ sung nội dung kinh phí đặt mua báo Đảng sử dụng, cân đối từ kinh phí NSNN cấp từ đầu năm 2026 theo Công văn 3866/UBND-VX ngày 15/5/2026 của Uỷ ban nhân dân Thành phố; số tiền Phòng chuyên môn dự trù sử dụng trang bị báo Đảng trong năm 2026 là 33 triệu đồng;

- Bổ sung kinh phí cho 03 hạng mục khoa học công nghệ, chuyển đổi số tại Sở Tư pháp theo Quyết định số 4154/QĐ-UBND ngày 06/7/2026 của Uỷ ban nhân dân Thành phố; số tiền 18.951 triệu đồng; trong đó: 1- KP "Số hóa sổ hộ tịch trên địa bàn TPHCM (giai đoạn 2)": 14.951.460.000 đồng; 2- KP "Nâng cấp hạ tầng, hệ thống mạng nội bộ tại Sở Tư pháp": 1.999.370.000 đồng và 3- KP Xây dựng "Phần mềm quản lý công tác xây dựng pháp luật trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh: 2 tỷ đồng.

Điều chỉnh lần 4:

- Bổ sung kinh phí xây dựng dự án Luật Phát triển đô thị cho Sở Tư pháp theo Quyết định số 4992/QĐ-UBND ngày 10/8/2026 của Uỷ ban nhân dân Thành phố; số tiền 2.721 triệu đồng.

Điều chỉnh lần 5:

- Kinh phí tiết kiệm thêm trên 5% chi thường xuyên năm 2026 theo Nghị quyết số 135/NQ-CP ngày 22/5/2026 của Chính phủ; số tiền 637 triệu đồng (nguồn tự chủ: 497 triệu đồng; nguồn không tự chủ 140 triệu đồng) điều chỉnh sang mã nguồn 28 để theo dõi./.

Điều chỉnh lần 6:

- Điều chỉnh dự toán theo Quyết định số 6366/QĐ-UBND ngày 29/9/2026 của UBND Thành phố; cụ thể:

+ Bổ sung kinh phí (tăng dự toán), số tiền 9.213 triệu đồng; bao gồm:

1- KP xây dựng văn bản QPPL theo Nghị quyết số 01/2026/NQ-HĐND ngày 06/02/2026 của Hội đồng nhân dân Thành phố: 6.468 triệu đồng.

2- KP đào tạo, bồi dưỡng công chức, viên chức theo Quyết định số 1012/QĐ-UBND: 1.920 triệu đồng.

3- KP Đề án chỉnh lý tài liệu của các CQ, tổ chức sau sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị trên địa bàn TPHCM: 825 triệu đồng.

+ Điều chỉnh giảm dự toán đối với một số nhiệm vụ không thực hiện kịp trong năm 2026, hoặc CSPL không còn hiệu lực để thực hiện, số tiền: 8.124 triệu đồng; gồm:

1- Giảm kinh phí "Số hóa sổ hộ tịch trên địa bàn TPHCM (giai đoạn 2)", số tiền: 8.024 triệu đồng.

STT	Nội dung	Mã NKT/ Mã NKP	Dự toán đầu năm 2026	Điều chỉnh theo QĐ số 1185/QĐ-UBND (lần 1)	Dự toán điều chỉnh lần 2		Dự toán điều chỉnh lần 3		Điều chỉnh theo QĐ số 4992/QĐ-UBND (lần 4)	Tiết kiệm thêm 5%CTX 2026 theo CV 23978/STC-QLNS (điều chỉnh lần	Điều chỉnh theo QĐ số 6366/QĐ-UBND (lần 6)	Tổng cộng
					Điều chỉnh theo QĐ số 2589/QĐ-UBND	Điều chỉnh theo QĐ số 2643/QĐ-UBND	Điều chỉnh theo Công văn số 3866/UBND-VX (cân đối)	Điều chỉnh theo QĐ số 4154/QĐ-UBND				
A	B	C	*1*	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10=1+2+..+9*

2- Giảm kinh phí theo dõi thi hành PL, công tác bồi thường NN, quản lý công tác thi hành pháp luật về xử lý VPHC: 100 triệu đồng./.